TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Đặng Văn L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1969; Nơi cư trú: Ấp LT, xã LK, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn*: Bà Võ Thị Tuyết M, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Ấp LT, xã LK, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2025 và biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 8 năm 2025 của nguyên đơn ông Đặng Văn L trình bày: Ông và bà Võ Thị Tuyết M cưới nhau vào năm 1986, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã LKA, huyện HN nay là xã LK, tỉnh Đồng Tháp. Hôn nhân do tự tìm hiểu trước.

Sau khi cưới thì vợ chồng sống bên gia đình ông. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc nữa, nguyên do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cự cãi nhau, ông và bà M không còn sống chung từ năm 2013 cho đến nay, từ lúc không vợ chồng không còn sống chung thì có gặp nhau nhưng không hàn gắn được tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, ông yêu cầu được ly hôn với bà M. Về nuôi con chung: Ông và bà Võ Thị Tuyết M chung sống có 03 con chung, Đặng Thị Bích T, sinh ngày 12 tháng 7 năm 1986, Đặng Văn N, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1989 và Đặng Văn T1, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1995, hiện 03 con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bà Võ Thị Tuyết M đã được Toà án triệu tập để hoà giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà từ chối không đến Toà án để tham gia phiên hoà giải và xét xử.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các Điều 9, 14, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Đặng Văn L được ly hôn với bà Võ Thị Tuyết M; Về con chung: Đối với 03 con chung, Đặng Thị Bích T, sinh ngày 12 tháng 7 năm 1986, Đặng Văn N, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1989 và Đặng Văn T1, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1995, hiện đã trưởng thành, có gia đình riêng, ông L không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra để xem xét; Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn ông Đặng Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Võ Thị Tuyết M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ

khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Đặng Văn L và bà Võ Thị Tuyết M là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của ông Đặng Văn L đối với bà Võ Thị Tuyết M, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của ông L thì cuộc sống của ông và bà M đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013, nguyên do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cự cãi nhau, ông và bà M không còn sống chung từ năm 2013 cho đến nay, từ lúc vợ chồng không còn sống chung thì có gặp nhau nhưng không hàn gắn được tình cảm. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của ông L và bà M hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của ông L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho ông Đặng Văn L ly hôn với bà Võ Thị Tuyết M.

[4] Về việc nuôi con chung: Đối với 03 con chung, Đặng Thị Bích T, sinh ngày 12 tháng 7 năm 1986, Đặng Văn N, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1989 và Đặng Văn T1, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1995, hiện đã trưởng thành, có gia đình riêng, ông L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đặng Văn L cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn bà Võ Thị Tuyết M không có văn bản trình bày ý kiến của mình, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Văn L. Cho ông Đặng Văn L được ly hôn với bà Võ Thị Tuyết M.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Đặng Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0000924 ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, ông L không phải nộp thêm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12-Đồng Tháp;
- UBND xã LK, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng